TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 11 năm 2019
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Hữu Soái**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. **Ông Phạm Thế Chiến;**
2. Ông Võ Văn Nam;

Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thu Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện VKSND huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Nhất** – Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1996, có mặt.
Địa chỉ: Số nhà 221, buôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
- Bị đơn: Anh Võ Đại T, sinh năm 1996, vắng mặt.
Địa chỉ: Số nhà 299 đường N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày: Tôi với anh Võ Đại T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2017 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng tôi không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không tôn trọng nhau nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Võ Đại T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có một con chung là Võ Trọng N, sinh ngày 08/7/2017. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến tuổi trưởng thành, tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi xin chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Võ Đại T trình bày: Tôi với chị Trần Thị Mỹ L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/2/2017 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ. Sau khi cưới, vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay chị L làm đơn xin ly hôn thì tôi không đồng ý vì tôi vẫn còn tình cảm với chị L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có một con chung là Võ Trọng N, sinh ngày 08/7/2017. Trường hợp ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Toà án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L, bị đơn anh Võ Đại T là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 147 BLTTDS, cho chị Trần Thị Mỹ L ly hôn anh Võ Đại T.

Về con chung: Chị L và anh T có một con chung là Võ Trọng N, sinh ngày 08/7/2017. Khi ly hôn, cháu N còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời chị

L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N cho đến tuổi trưởng thành nên cần giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Đại T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Võ Đại T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký ngày 03/2/2017 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ, là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn chị L và anh T chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị L và anh T tại chính quyền địa phương cho biết mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, hiện nay vợ chồng chị L đã sống ly thân.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có một con chung là cháu Võ Trọng N, sinh ngày 08/7/2017.

Cháu N đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hiện nay đang ở với chị L. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị L, giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không có nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ L, chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn anh Võ Đại T.

[2]**Về con chung**:

Giao cho chị Trần Thị Mỹ L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Võ Trọng N, sinh ngày 08/7/2017 cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] **Về cấp dưỡng nuôi con**: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] **Về án phí**: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000^{đ} *(Ba trăm ngàn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền số: 0003583 ngày 14 tháng 8 năm 2019.

Anh Võ Đại T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND TT. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hữu Soái

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND TT Buôn Trấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hữu Soái